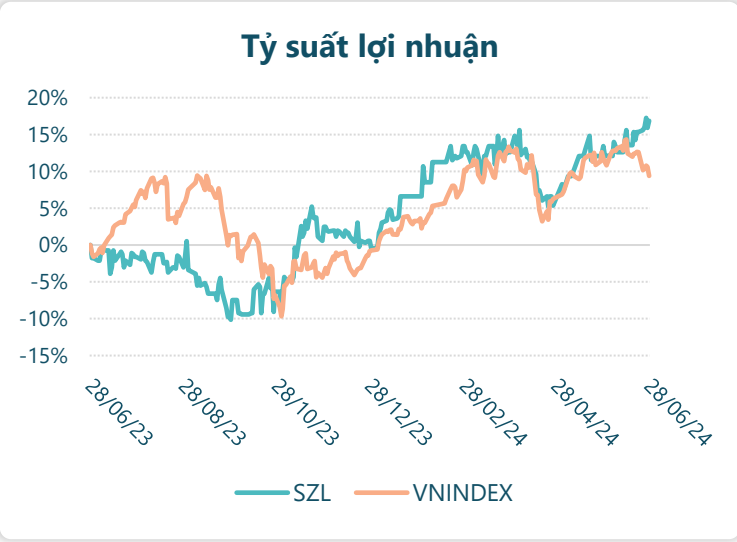


Ngày	42,750 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.1%	3.8%	16.5%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	32,876 - 42,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,169
Số lượng CPLH (CP)	27,344,540
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,730
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.38
EPS	4,232
P/E	10.1



Doanh thu thuần
Q2/24

125

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.0 | 8.7%

YoY: ▲ 17.0 | 15.7%

Nợ/VCSH
Q2/24

211%

YoY: +/-▲ 13.0%

LN gộp
Q2/24

39.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.20 | -2.9%

YoY: ▲ 5.90 | 17.8%

ROE (TTM)
Q2/24

19.4%

YoY: +/-▲ 3.1%

LN trước thuế
Q2/24

40.4

tỷ VNĐ

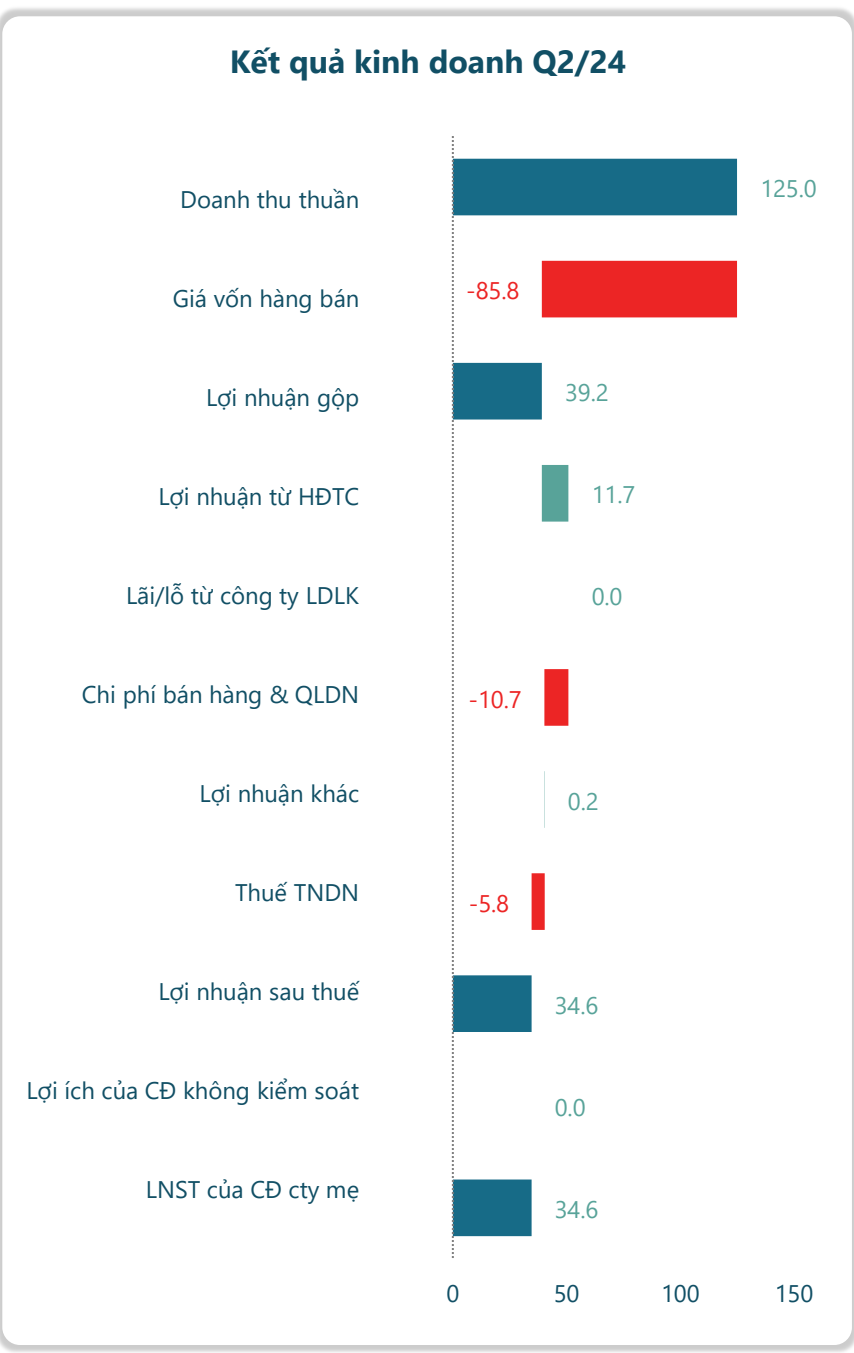
QoQ: ▲ 11.3 | 38.9%

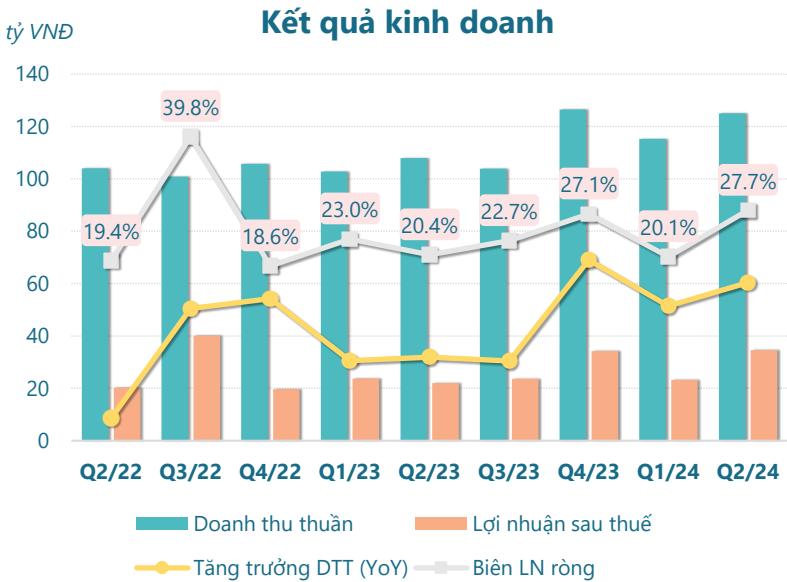
YoY: ▲ 12.5 | 44.8%

ROA (TTM)
Q2/24

6.0%

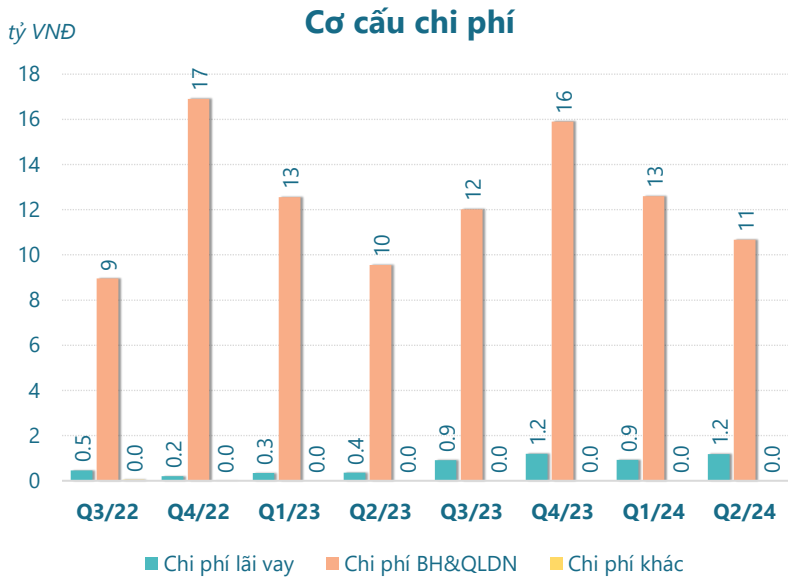
YoY: +/-▲ 0.7%





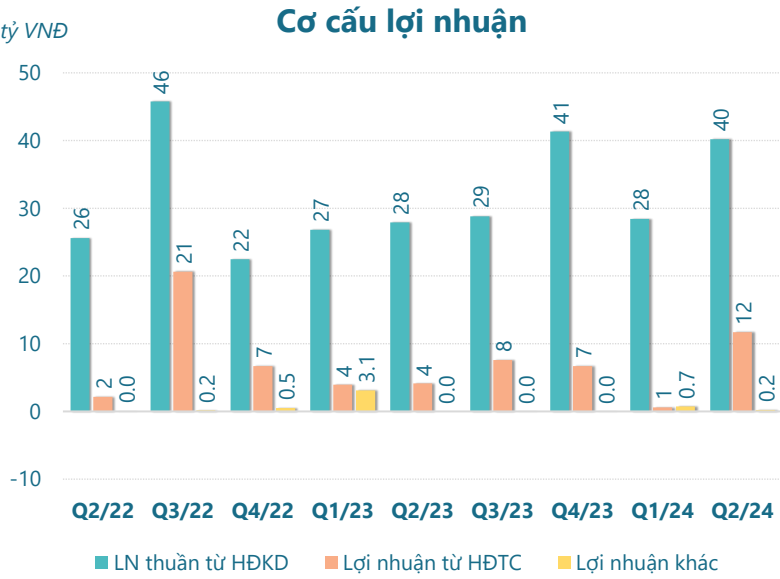
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 40.22 tỷ đồng**, tăng thêm 41.6% so với kỳ trước và cao hơn 44.2% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 11.68 tỷ đồng**, tăng thêm 1880% so với kỳ trước và cao hơn 182% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.19 tỷ đồng**, giảm đi 74.3% so với kỳ trước và tăng thêm 0.19 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SZL** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **125.0 tỷ đồng** tăng thêm **15.9%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 34.64 tỷ đồng**, **tăng trưởng 57.2%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **240.0 tỷ đồng** cao hơn 13.7% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 58.00 tỷ đồng** cao hơn 26.1% so với cùng kỳ năm trước.



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **1.17 tỷ đồng** tăng thêm 27.2% so với kỳ trước và cao hơn 234% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **10.68 tỷ đồng** giảm đi 15.2% so với kỳ trước và cao hơn 11.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	125	115	8.7%	108	15.7%	240	211	14.0%
Giá vốn hàng bán	85.8	74.8	14.7%	74.6	15.0%	161	142	13.2%
Lợi nhuận gộp	39.2	40.4	-2.9%	33.3	17.8%	79.6	68.8	15.8%
Doanh thu HĐTC	12.9	1.51	751%	4.49	186%	14.4	8.76	64.1%
Chi phí TC	1.17	0.92	27.6%	0.35	235%	2.10	0.69	204%
Chi phí lãi vay	1.17	0.92	27.6%	0.35	235%	2.10	0.69	204%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	1.05	1.20	-12.5%	0.40	163%	2.25	0.83	170%
Chi phí QLDN	9.63	11.4	-15.6%	9.14	5.3%	21.0	21.3	-1.2%
LN thuần từ HĐKD	40.2	28.4	41.6%	27.9	44.1%	68.6	54.7	25.4%
Lợi nhuận khác	0.19	0.74	-73.7%	0.00		0.94	3.11	-69.9%
LN trước thuế	40.4	29.1	38.9%	27.9	44.8%	69.6	57.8	20.3%
Lợi nhuận sau thuế	34.6	23.2	49.3%	22.0	57.4%	57.8	45.7	26.5%
LNST của CĐ cty mẹ	34.6	23.2	49.3%	22.0	57.4%	57.8	45.7	26.5%

